ĐỀ ÁN
XÂY DỰNG CÁC BÃI XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu vực đô thị và nông thôn ngày càng được đẩy mạnh. Các hoạt động xây dựng đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện diện mạo kiến trúc, cảnh quan và điều kiện sống của người dân. Tuy nhiên, song hành với đó là áp lực ngày càng gia tăng về khối lượng chất thải rắn phát sinh, đặc biệt là chất thải rắn xây dựng.

Từ số liệu tính toán trên cơ sở báo cáo tổng hợp của các đơn vị liên quan, tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh hiện ước tính khoảng 485,982 tấn/ngày đêm. Tuy nhiên, công tác thống kê, phân loại giữa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng (sau đây viết tắt là CTRXD) hiện nay chưa được tách bạch đầy đủ trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý, gây khó khăn cho công tác quản lý chuyên ngành.

Thực tế cho thấy, trên địa bàn tỉnh hiện chưa có, hoặc có nhưng chưa đủ các khu xử lý CTRXD đáp ứng nhu cầu xử lý khối lượng chất thải phát sinh. Do đó, vẫn còn tình trạng người dân và doanh nghiệp tự ý đổ phế thải xây dựng không đúng nơi quy định, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, cảnh quan nông thôn và đời sống sinh hoạt của nhân dân; đồng thời phát sinh đơn thư khiếu nại, kiến nghị, tác động tiêu cực đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bên cạnh đó, đối với các công trình xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa sử dụng vốn đầu tư công, hiện chưa có cơ sở xác định cụ thể cự ly và đơn giá vận chuyển CTRXD, dẫn đến khó khăn trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự toán đầu tư xây dựng công trình.

Từ những tồn tại, hạn chế nêu trên, việc xây dựng *"Đề án xây dựng các bãi xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn"* là cần thiết và cấp bách nhằm hình thành các khu xử lý CTRXD tập trung, đáp ứng yêu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do CTRXD

gây ra; góp phần bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan sinh thái, bảo đảm sức khỏe cộng đồng và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Các cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;

- Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10/12/2025;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

- Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Các nguồn tài liệu, số liệu liên quan

- Các quy hoạch và dự án có liên quan;

- Báo cáo, số liệu do UBND các huyện, thành phố cung cấp (trước tháng 07/2025); báo cáo, số liệu do UBND các xã, phường cung cấp (từ 01/7/2025);

- Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2017 - Chuyên đề quản lý chất thải;

- Các bản đồ quy hoạch xây dựng, các bản đồ quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có liên quan;

- Tổng hợp các ý kiến tham gia góp ý với dự thảo Đề án của các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

I. NGUỒN PHÁT SINH VÀ HIỆN TRẠNG KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

1. Nguồn phát sinh

Chất thải rắn xây dựng được phát sinh trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Hiện trạng khối lượng chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh

Trong thời gian qua, cùng với tốc độ phát triển kinh tế – xã hội và quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn gia tăng cả về số lượng lẫn quy mô. CTRXD phát sinh có xu hướng tăng nhanh, xuất hiện ở hầu hết các loại hình công trình (dân dụng, hạ tầng, chỉnh trang đô thị, cải tạo nhà ở nông thôn…), đồng thời mang tính thời điểm rõ nét theo tiến độ thi công và theo mùa cao điểm xây dựng. Thực tế cho thấy, nguồn phát sinh CTRXD hiện nay không chỉ đến từ xây dựng mới, mà còn phát sinh đáng kể từ các hoạt động sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ công trình; cùng với đó là đất, đá, bùn thải trong quá trình đào móng, san gạt, chuẩn bị mặt bằng. Do đặc thù là loại hình chất thải có khối lượng lớn, cồng kềnh, khó lưu chứa tại nguồn và cần phương tiện vận chuyển chuyên dụng, CTRXD nếu không được tổ chức thu gom – vận chuyển đúng quy trình sẽ rất dễ phát sinh tình trạng tập kết tạm bợ, rơi vãi, hoặc đổ thải không đúng nơi quy định.

Về đặc điểm thành phần, CTRXD trên địa bàn tỉnh chủ yếu gồm đất, đá, gạch, bê tông vỡ… (nhóm vật liệu trơ, chiếm tỷ trọng lớn), bên cạnh đó còn có thủy tinh, gỗ, ống điện, ống nước và các vật liệu xây dựng khác. Cơ cấu này vừa phản ánh đặc trưng phát sinh từ các công trình xây dựng, vừa cho thấy tiềm năng tái sử dụng, tái chế tương đối lớn.

Theo ước tính, tổng khối lượng CTRXD phát sinh trên địa bàn tỉnh trong năm 2025 khoảng 72,897 tấn/ngày đêm. Trong đó, lượng phát sinh tập trung cao tại khu vực trung tâm các phường với khoảng 14,192 tấn/ngày đêm, chiếm 19,47% tổng khối lượng phát sinh. Điều này cho thấy áp lực quản lý CTRXD tại khu vực đô thị trung tâm là rất lớn do mật độ công trình cao, không gian tập kết hạn chế và yêu cầu về cảnh quan, trật tự đô thị nghiêm ngặt hơn. Đồng thời, phần còn lại khoảng 58,705 tấn/ngày đêm (chiếm 80,53%) phát sinh ở các khu vực khác trên địa bàn tỉnh, có xu hướng phân tán, nhỏ lẻ theo điểm dân cư và theo các công trình hạ tầng, khiến việc tổ chức thu gom, kiểm soát điểm đổ thải khó khăn nếu thiếu mạng lưới xử lý CTRXD phù hợp.

Bảng 1. Hiện trạng khối lượng chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2025

STT	**Khu vực**	**Dân số năm 2025** (người)		**Định mức Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh ước tính theo quy chuẩn[1]** (kg/người/ng.đ)		**Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh ước tính theo quy chuẩn[2]** (kg/ng.đ)	**Khối lượng chất thải rắn xây dựng ước tính** (kg/ng.đ)
		Đô thị	**Nông thôn**	**Đô thị**	**Nông thôn**		
(a)	*(b)*	*(c)*	*(d)*	*(e)*	*(f)*	*(g) = (c)x(e) + (d)x(f)*	*(h) = (g) x 15%*
1	Cụm phường Đông Kinh, Kỳ Lừa, Lương Văn Tri, Tam Thanh	79.444	30.335	1,0	0,5	94.612	14.192
2	Cụm xã Tràng Định, Tân Tiến, Quốc Khánh, Thất Khê, Kháng Chiến, Đoàn Kết	4.941	56.847	0,8	0,5	32.376	4.856
3	Cụm xã Bình Gia, Khánh Khê, Tân Văn, Quý Hòa, Hồng Phong, Hoa Thám, Thiện Thuật, Thiện Hòa	9.605	44.735	0,8	0,5	30.052	4.508
4	Cụm xã Văn Lãng, Na Sầm, Hoàng Văn Thụ, Thụy Hùng, Hội Hoan	6.476	44.211	0,8	0,5	27.286	4.093
5	Cụm xã Cao Lộc, Đồng Đăng, Công Sơn, Ba Sơn	19.894	65.153	0,9	0,5	50.481	7.572
6	Cụm xã Văn Quan, Điềm He, Yên Phúc, Tân Đoàn, Tri Lễ	6.544	53.029	0,8	0,5	31.750	4.762
7	Cụm xã Bắc Sơn, Vũ Lễ, Hưng Vũ, Tân Tri, Nhất Hòa, Vũ Lăng	7.542	67.993	0,8	0,5	40.030	6.005

[1] Định mức khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tính toán trên cơ sở Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và thống kê của các huyện, thành, thị được xác định như sau

- Đô thị loại I: khoảng 1,3kg/người/ngày;
- Đô thị loại II: khoảng 1,0kg/người/ngày;
- Đô thị loại III, IV: khoảng 0,9kg/người/ngày;
- Đô thị loại V: khoảng 0,8kg/người/ngày;
- Tại khu vực các xã: khoảng 0,5kg/người/ngày.

[2] Lượng CTRXD được xác định theo tỷ lệ CTR sinh hoạt, ước tính bằng khoảng 15% lượng CTR sinh hoạt (tham khảo Báo cáo Hiện trạng Môi trường Quốc gia năm 2017 của Bộ Tài nguyên & Môi trường - Chuyên đề quản lý chất thải).

8	Cụm xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Thiện Tân, Vân Nham, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh	11.117	116.276	0,8	0,5	67.032	10.055
9	Cụm xã Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý, Bằng Mạc, Vạn Linh	20.577	57.024	0,8	0,5	44.974	6.746
10	Cụm xã Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bác, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá	20.560	67.840	0,8	0,5	50.368	7.555
11	Cụm xã Đình Lập, Châu Sơn, Thái Bình, Kiên Mộc	6.821	23.131	0,8	0,5	17.022	2.553
	Tổng	**193.521**	**626.574**			**485.982**	**72.897**

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

Trong thời gian qua, công tác quản lý CTRXD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được triển khai theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và trật tự xây dựng, với sự tham gia của các sở, ngành chuyên môn và Ủy ban nhân dân các cấp. Hoạt động quản lý CTRXD được lồng ghép trong công tác quản lý hoạt động xây dựng, quản lý đô thị, bảo vệ môi trường và quản lý đất đai tại địa phương. Các địa phương đã tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển CTRXD phát sinh từ các công trình xây dựng trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, trật tự xây dựng và trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu trong quản lý CTRXD được triển khai thông qua các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, chính quyền các cấp đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc kiểm tra hiện trường, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến đổ thải xây dựng không đúng quy định; đồng thời chỉ đạo khắc phục, thu dọn phế thải xây dựng tại một số khu vực công cộng, góp phần duy trì trật tự, vệ sinh môi trường trên địa bàn. Đối với các công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, nội dung quản lý CTRXD được xem xét, lồng ghép trong các bước lập, thẩm định và tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy định; việc thu gom, vận chuyển CTRXD phát sinh trong quá trình thi công được yêu cầu thực hiện phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương.

Nhìn chung, công tác quản lý CTRXD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay được thực hiện thông qua sự phối hợp của nhiều cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương các cấp, gắn với công tác quản lý xây dựng và bảo vệ môi trường,

nhằm kiểm soát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Trong thời gian qua, công tác quản lý CTRXD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp chính quyền và sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan. Nhận thức của chính quyền địa phương, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng về trách nhiệm trong công tác thu gom, quản lý và xử lý CTRXD từng bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự xây dựng, bảo vệ môi trường được tăng cường, qua đó đã góp phần hạn chế tình trạng đổ trộm CTRXD tại một số khu vực công cộng, hành lang giao thông, sông, suối và từng bước kiểm soát, giảm thiểu các điểm tập kết CTRXD tự phát.

Một số địa phương đã chủ động lồng ghép nội dung quản lý CTRXD trong công tác quản lý trật tự xây dựng và bảo vệ môi trường; bước đầu hình thành cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn trong kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng. Công tác quản lý CTRXD đã có chuyển biến tích cực, góp phần cải thiện môi trường, mỹ quan đô thị, nông thôn và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý CTRXD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn hiện nay vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Việc quy hoạch, xác định và bố trí các khu vực, địa điểm tiếp nhận, tập kết và xử lý CTRXD chưa được triển khai đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu xử lý khối lượng CTRXD phát sinh ngày càng tăng. Do chưa có hệ thống bãi xử lý CTRXD tập trung theo quy hoạch, tình trạng đổ thải tự phát, đổ trộm CTRXD không đúng nơi quy định vẫn còn xảy ra tại một số địa bàn, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến cảnh quan và đời sống sinh hoạt của người dân khu vực lân cận.

Đối với các dự án, công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, hiện chưa có đầy đủ cơ sở để xác định cụ thể địa điểm, cự ly vận chuyển và đơn giá xử lý CTRXD, dẫn đến khó khăn trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự toán đầu tư xây dựng; ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và hiệu quả quản lý chi phí đầu tư.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là do công tác quy hoạch và đầu tư hạ tầng xử lý CTRXD chưa được quan tâm đúng mức; nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này còn hạn chế; việc ban hành các quy định cụ thể về quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh còn thiếu và chưa đồng bộ. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương trong quản lý CTRXD chưa thực sự chặt chẽ; ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một bộ phận tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng còn hạn chế.

Phần thứ ba
CƠ SỞ NGHIÊN CỨU VÀ CÁC CHỈ TIÊU DỰ BÁO

I. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU

Hiện nay, trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu hướng dẫn chuyên ngành, chưa có phương pháp chuẩn hóa và thống nhất để tính toán, xác định chính xác khối lượng CTRXD phát sinh từ các hoạt động xây dựng trên phạm vi địa phương. Việc thiếu vắng các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể gây khó khăn cho công tác thống kê, dự báo và xây dựng các giải pháp quản lý CTRXD một cách khoa học và đồng bộ.

Trên cơ sở tham khảo Báo cáo Hiện trạng Môi trường Quốc gia năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chuyên đề về quản lý chất thải, Đề án lựa chọn cách tiếp cận gián tiếp thông qua mối tương quan giữa CTRXD và chất thải rắn sinh hoạt. Theo đó, khối lượng CTRXD được ước tính tương ứng khoảng 15% so với tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Cách tiếp cận này nhằm bảo đảm có cơ sở khoa học và thực tiễn trong điều kiện thiếu dữ liệu thống kê chuyên biệt về CTRXD tại địa phương.

II. DỰ BÁO KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG NĂM 2026

1. Dự báo khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trung bình năm 2026

Năm 2026 là năm đầu tiên của giai đoạn 2026 – 2030, cùng với xu hướng đô thị hóa và gia tăng đầu tư xây dựng, CTRXD trên địa bàn tỉnh được dự báo tiếp tục tăng, phản ánh trực tiếp nhu cầu xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang đô thị và triển khai các dự án hạ tầng. Theo dự báo, khối lượng CTRXD phát sinh trung bình toàn tỉnh năm 2026 đạt khoảng 73,493 tấn/ngày đêm, cho thấy áp lực đối với hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD sẽ lớn hơn so với giai đoạn trước, đặc biệt trong bối cảnh hạ tầng tiếp nhận và xử lý chưa đồng bộ.

Về phân bố, CTRXD dự báo tập trung cao tại các phường Đông Kinh, Kỳ Lừa, Lương Văn Tri, Tam Thanh với khoảng 14,319 tấn/ngày đêm, thể hiện rõ sự tập trung phát sinh tại khu vực lõi đô thị, nơi mật độ công trình lớn và không gian tập kết hạn chế. Trong khi đó, các xã còn lại dao động từ 2,574 – 10,132 tấn/ngày đêm, cho thấy đặc điểm phát sinh phân tán, chênh lệch theo địa bàn, phụ thuộc vào mức độ phát triển, quy mô dự án và nhu cầu xây dựng dân sinh. Sự phân hóa này đặt ra yêu cầu tổ chức mạng lưới bãi xử lý CTRXD theo các trục quốc lộ và cụm xã, kiểm soát tuyến vận chuyển và tăng cường quản lý tại các khu vực đô thị trung tâm nhằm hạn chế đổ thải không đúng quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Xác định khối lượng thành phần vật liệu CTRXD

Bảng 2. Quy đổi khối lượng riêng của CTRXD

STT	Loại thành phần chất thải rắn xây dựng	Khối lượng riêng trung bình[3] *(tấn/m³)*	Tỷ lệ[4] *(%)*	Hệ số rời[5]	Khối lượng *(tấn/m³)*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(3)x(4)÷(5)*
1	Đất, cát và sỏi	1,6	36	1,25	0,46
2	Gạch và khối xây	1,8	31	1,5	0,37
3	Bê tông	2,4	23	1,5	0,37
4	Kim loại	7,8	5	2,5	0,16
5	Vật liệu khác (nhựa, thủy tinh, gỗ, giấy, dây điện, ống nước...)	1	5	2	0,03
	Tổng				**1,38**

3. Xác định tổng khối lượng CTRXD phát sinh

Trên cơ sở số liệu dự báo, tổng khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trung bình năm 2026 khoảng **26.825 tấn**, tương đương khoảng **19.438m³**.

Bảng 3. Dự báo khối lượng CTRXD phát sinh năm 2026

STT	Tên địa phương	Dự báo khối lượng CTRXD phát sinh năm 2026		
		Khối lượng trung bình ngày *(tấn/ngày)*	Khối lượng phát sinh năm *(tấn/năm)*	Nhu cầu trữ lượng năm[6] *(m³/năm)*
1	Cụm phường Đông Kinh, Kỳ Lừa, Lương Văn Tri, Tam Thanh	14,319	5.227	3.787
2	Cụm xã Tràng Định, Quốc Khánh, Tân Tiến, Thất Khê, Kháng Chiến, Đoàn Kết	4,883	1.782	1.292

[3] Khối lượng riêng trung bình của đất, đá và các loại vật liệu xây dựng được tham khảo định mức xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và Tiêu chuẩn TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động.

[4] Tỷ lệ thành phần vật liệu CTRXD tham khảo nghiên cứu khoa học "Nghiên cứu quản lý chất thải rắn xây dựng tại Hà Nội theo định hướng kinh tế tuần hoàn" đăng tải trên Tạp chí Môi trường xuất bản tháng 3/2022.

[5] Hệ số rời của vật liệu tham khảo Tiêu chuẩn TCVN 4447-2012 Công tác đất - thi công và nghiệm thu và Thông tư số 34/2018/TT-BCT ngày 11/10/2018 của Bộ Công thương.

[6] 1,38 tấn tương ứng 1m³.

3	Cụm xã Bình Gia, Khánh Khê, Tân Văn, Quý Hòa, Hồng Phong, Hoa Thám, Thiện Thuật, Thiện Hòa	4,532	1.654	1.199
4	Cụm xã Văn Lãng, Na Sầm, Hoàng Văn Thụ, Hội Hoan, Thụy Hùng	4,106	1.499	1.086
5	Cụm xã Cao Lộc, Đồng Đăng, Công Sơn, Ba Sơn	7,661	2.796	2.026
6	Cụm xã Văn Quan, Điềm He, Yên Phúc, Tân Đoàn, Tri Lễ	4,833	1.764	1.278
7	Cụm xã Bắc Sơn, Vũ Lễ, Hưng Vũ, Tân Tri, Vũ Lăng, Nhất Hòa	6,052	2.209	1.601
8	Cụm xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn, Tân Thành, Thiện Tân, Vân Nham, Yên Bình, Hữu Liên, Cai Kinh	10,132	3.698	2.680
9	Cụm xã Chi Lăng, Quan Sơn, Chiến Thắng, Nhân Lý, Bằng Mạc, Vạn Linh	6,788	2.478	1.795
10	Cụm xã Lộc Bình, Mẫu Sơn, Na Dương, Lợi Bác, Thống Nhất, Xuân Dương, Khuất Xá	7,612	2.778	2.013
11	Cụm xã Đình Lập, Châu Sơn, Thái Bình, Kiên Mộc	2,574	940	681
	Tổng	**73,493**	**26.825**	**19.438**

Phần thứ tư
NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Việc xây dựng Đề án phải bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có liên quan trên địa bàn tỉnh; đồng thời xem xét đầy đủ các điều kiện đặc thù về địa hình, địa chất, thủy văn và khả năng khai thác, sử dụng quỹ đất thực tế tại từng khu vực.

Đề án được xây dựng trên cơ sở đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD của từng địa phương từ năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy mô phát sinh chất thải và định hướng phát triển đô thị, nông thôn của tỉnh; bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên cơ sở thực tế CTRXD được phân loại ngay tại nơi phát sinh (tại các công trình xây dựng), nhằm giảm thiểu chi phí bốc xúc, trung chuyển, rút ngắn cự ly và chi phí vận chuyển đổ thải, Đề án xác định việc đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển trong giai đoạn hiện nay là chưa thực sự cần thiết. Theo đó, Đề án tập trung đầu tư xây dựng đồng bộ các bãi xử lý CTRXD tại các xã, phường có vị trí phù hợp, gần các khu vực tập trung dân cư, bảo đảm yêu cầu kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái và sức khỏe cộng đồng, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Xây dựng định hướng và phương án đầu tư hệ thống bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, bảo đảm đáp ứng nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD phát sinh trong giai đoạn 2026 - 2030 và các giai đoạn tiếp theo; góp phần kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo vệ cảnh quan, nâng cao chất lượng sống của người dân và phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đề xuất mạng lưới các bãi xử lý CTRXD trên phạm vi toàn tỉnh; giai đoạn trước mắt 2026 - 2028 ưu tiên đầu tư tại các vị trí trọng yếu, có lượng CTRXD phát sinh lớn, nằm trên các tuyến quốc lộ chính yếu của tỉnh nhằm giải quyết ngay nhu cầu xử lý CTRXD trên địa bàn. Giai đoạn 2028-2030, căn cứ nhu cầu thực tế và tốc độ lấp đầy của các bãi CTRXD đã đầu tư xây dựng, xem xét mở rộng diện tích các

vị trí cũ, hoặc đầu tư xây dựng tại các vị trí mới, ưu tiên vị trí tại các xã trung tâm gần các khu vực có mật độ dân cư cao, nằm trên các tuyến quốc lộ hoặc đường tỉnh lớn. Giai đoạn sau năm 2030, xem xét nhu cầu và khả năng mở rộng của các vị trí trung tâm để nghiên cứu, lựa chọn các vị trí mới tại các xã lân cận dự báo mức độ đô thị hóa, tập trung dân cư và hoạt động xây dựng gia tăng.

- Làm cơ sở cho các địa phương, tổ chức, cá nhân xác định vị trí đổ thải, cự ly vận chuyển CTRXD phù hợp, phục vụ việc lập dự toán chi phí, tổ chức thi công xây dựng và quản lý hoạt động đổ thải theo đúng quy định.

- Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ CTRXD phát sinh trên địa bàn tỉnh được thu gom, xử lý đạt khoảng 90% tổng khối lượng, đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Để đảm bảo việc lựa chọn các vị trí đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh, Đề án được chia thành 03 giai đoạn, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026-2028, lựa chọn 05 bãi xử lý CTRXD theo hình thức chôn lấp hoặc tái chế tại các phường, xã trên các tuyến quốc lộ chính của tỉnh để đảm bảo việc thu gom CTRXD theo trục tuyến; với quy mô thực hiện trước mắt từ 1-5ha.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2028-2030, xem xét mở rộng các bãi xử lý CTRXD ở giai đoạn 1 và mở mới 06 bãi xử lý CTRXD theo hình thức chôn lấp hoặc tái chế tại các vị trí có khoảng cách phù hợp đến các phường, xã trung tâm hoặc khu vực lân cận, có vị trí thuận lợi kết nối với hạ tầng giao thông khu vực, với quy mô dự kiến từ 2-10ha.

- Giai đoạn 3: Trên cơ sở các vị trí đã được lựa chọn, xem xét mở rộng diện tích của các bãi xử lý CTRXD đảm bảo tổng khả năng dung nạp tối thiểu đáp ứng đến hết năm 2050 trên địa bàn toàn tỉnh. Nghiên cứu, bổ sung các vị trí mới trong trường hợp các vị trí ở giai đoạn 2 không có đủ dư địa mở rộng hoặc cần thiết bổ sung các vị trí mới nhằm giảm khoảng cách vận chuyển CTRXD tại các khu vực tập trung nhiều công trình xây dựng.

Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các bãi xử lý CTRXD sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập, phê duyệt dự án đầu tư. Trong quá trình nghiên cứu, đề xuất dự án, trường hợp Nhà đầu tư khảo sát, lựa chọn được vị trí phù hợp hơn hoặc đề xuất quy mô với diện tích khác, Nhà đầu tư được đề xuất UBND tỉnh xem xét, chấp thuận. Trên cơ sở vị trí, quy mô được UBND tỉnh chấp thuận, chính quyền địa phương có trách nhiệm phối hợp trong

việc lập, điều chỉnh quy hoạch và thực hiện các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường có liên quan theo quy định của pháp luật.

1. Giai đoạn 1: Từ năm 2026 - 2028

Trên cơ sở số liệu dự báo khối lượng CTRXD trong năm 2026 và các năm tiếp theo, căn cứ nhu cầu thực tế về việc bố trí các bãi xử lý CTRXD nhằm phục vụ các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, trước mắt trong giai đoạn năm 2026 - 2028 lựa chọn 05 vị trí tại trung tâm các phường và các xã trên các tuyến Quốc lộ 1, 1B, 4A, 4B nhằm phục vụ việc thu gom, xử lý CTRXD theo tuyến, bao gồm phường Kỳ Lừa và các xã: Na Sầm, Lộc Bình, Bình Gia, Cai Kinh.

1.1. Bãi xử lý CTRXD tại Khối 9, phường Kỳ Lừa: Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 5,0ha với khả năng dung nạp khoảng 250.000m^3.

1.2. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bản Gia, xã Lộc Bình: Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 200.000m^3.

1.3. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bãi Danh, xã Cai Kinh: Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 3,0ha với khả năng dung nạp khoảng 150.000m^3.

1.4. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Liên Hợp, xã Bình Gia: Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 1,0ha với khả năng dung nạp khoảng 200.000m^3.

1.5. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Lũng Vài, xã Na Sầm: Giai đoạn 1 đầu tư xây dựng 1,0ha với khả năng dung nạp khoảng 100.000m^3.

Bảng 4. Danh mục Bãi xử lý CTRXD đầu tư giai đoạn 1

STT	Xã, phường	Vị trí	Diện tích thực hiện đầu tư giai đoạn 1 (ha)	Trữ lượng ước tính (m^3)
1	Phường Kỳ Lừa	Khối 9	5,00	250.000
2	Xã Lộc Bình	Thôn Bản Gia	2,00	200.000
3	Xã Cai Kinh	Thôn Bãi Danh	3,00	150.000
4	Xã Bình Gia	Thôn Liên Hợp	1,00	200.000
5	Xã Na Sầm	Thôn Lũng Vài	1,00	100.000
Tổng cộng			**12,00**	**900.000**

(Chi tiết các Bãi xử lý CTRXD giai đoạn 1 tại Phụ lục II đính kèm)

Tổng diện tích xây dựng các Bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 1 là 12ha, với trữ lượng ước tính khoảng 900.000 m^3.

2. Giai đoạn 2: Từ năm 2028 - 2030

Căn cứ nhu cầu thực tế và tốc độ lấp đầy của các bãi CTRXD đã đầu tư xây dựng ở giai đoạn 1, trong giai đoạn từ năm 2028 - 2030, xem xét mở rộng đối với 05 vị trí đã đầu tư xây dựng ở giai đoạn 1 và lựa chọn mở mới 06 vị trí tại các khu vực có khoảng cách gần với các điểm tập trung dân cư gồm các xã: Công Sơn; Đình Lập; Chi Lăng; Khánh Khê; Bắc Sơn; Thất Khê.

Về quy mô và hình thức bãi xử lý CTRXD: Trong giai đoạn 2028-2030, xem xét bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư xây dựng các vị trí bãi xử lý CTRXD với quy mô cơ bản từ 2-5ha theo hình thức chôn lấp hoặc tái chế. Trong đó ưu tiên các khu vực tập trung khối lượng lớn CTRXD như phường Kỳ Lừa, xã Cai Kinh. Các vị trí xem xét lựa chọn đầu tư trong giai đoạn 2 cụ thể như sau:

1.1. Bãi xử lý CTRXD tại Khối 9, phường Kỳ Lừa. Với tổng quy mô diện tích 19,84ha; giai đoạn 2 xem xét mở rộng đến 10,0ha với khả năng dung nạp khoảng 500.000m^3.

1.2. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bản Luận, xã Công Sơn. Với tổng quy mô diện tích 5,6ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 300.000m^3.

1.3. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bản Gia, xã Lộc Bình. Với tổng quy mô diện tích 12,0ha; giai đoạn 2 xem xét mở rộng đến 7,15ha với khả năng dung nạp khoảng 715.000m^3.

1.4. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Tà Hón, xã Đình Lập. Với tổng quy mô diện tích 5,0ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 600.000m^3.

1.5. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Làng Thành, xã Chi Lăng. Với tổng quy mô diện tích 15,0ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 400.000m^3.

1.6. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bãi Danh, xã Cai Kinh. Với tổng quy mô diện tích 27,7ha; giai đoạn 2 xem xét mở rộng đến 8,0ha với khả năng dung nạp khoảng 400.000m^3.

1.7. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Bình Trung, xã Khánh Khê. Với tổng quy mô diện tích 15,0ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 300.000m^3.

1.8. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Liên Hợp, xã Bình Gia. Với tổng quy mô diện tích 5,2ha; giai đoạn 2 xem xét mở rộng đến 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 540.000m^3.

1.9. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Hữu Vĩnh, xã Bắc Sơn. Với tổng quy mô diện tích 2,0ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 240.000m^3.

1.10. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Lũng Vài, xã Na Sầm. Với tổng quy mô diện tích 8,34ha; giai đoạn 2 xem xét mở rộng đến 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 200.000m^3.

1.11. Bãi xử lý CTRXD tại thôn Khảo Bàn, xã Thất Khê. Với tổng quy mô diện tích 5,18ha; giai đoạn 2 xem xét đầu tư xây dựng 2,0ha với khả năng dung nạp khoảng 500.000m^3.

Bảng 5. Danh mục Bãi xử lý CTRXD đầu tư giai đoạn 2

STT	Xã, phường	Vị trí	Tổng diện tích dự kiến quy hoạch (ha)	Đã được đầu tư giai đoạn 1	Diện tích lũy kế dự kiến đầu tư giai đoạn 2 (ha)
1	Phường Kỳ Lừa	Khối 9	19,84	x	10,00
2	Xã Công Sơn	Thôn Bản Luận	5,60		2,00
3	Xã Lộc Bình	Thôn Bản Gia	12,00	x	7,15
4	Xã Đình Lập	Thôn Tà Hón	5,00		2,00
5	Xã Chi Lăng	Thôn Làng Thành	15,00		2,00
6	Xã Cai Kinh	Thôn Bãi Danh	27,70	x	8,00
7	Xã Khánh Khê	Thôn Bình Trung	15,00		2,00
8	Xã Bình Gia	Thôn Liên Hợp	5,20	x	2,00
9	Xã Bắc Sơn	Thôn Hữu Vĩnh	2,00		2,00
10	Xã Na Sầm	Thôn Lũng Vài	8,34	x	2,00
11	Xã Thất Khê	Thôn Khảo Bàn	5,18		2,00
Tổng cộng			**120,86**		**41,15**

(Chi tiết các Bãi xử lý CTRXD giai đoạn 2 tại Phụ lục III đính kèm)

Tổng diện tích lũy kế xem xét xây dựng các Bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2 là 41,15ha, với tổng trữ lượng lũy kế ước tính khoảng 4,7 triệu m^3.

Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng, kết hợp kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng các bãi xử lý thuộc phạm vi đề án, hoặc các vị trí theo nhu cầu của Nhà đầu tư. Khuyến khích Nhà đầu tư nghiên cứu xây dựng, ứng dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng CTRXD.

2. Giai đoạn 3: Từ năm 2030 đến năm 2050

Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai, vận hành các bãi xử lý CTRXD trong giai đoạn 2 và dự báo nhu cầu xử lý CTRXD trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 3 theo hướng xem xét mở rộng đến tối đa trữ lượng các bãi xử lý CTRXD đã được đầu tư xây dựng ở giai đoạn 2; đồng thời kêu gọi các Nhà đầu tư nghiên cứu mở mới các vị trí có kết nối giao thông thuận lợi, căn cứ trên nhu cầu dự báo của giai đoạn tới.

Bảng 6. Danh mục Bãi xử lý CTRXD nghiên cứu đầu tư giai đoạn 3

STT	Xã, phường	Vị trí	Tổng diện tích dự kiến quy hoạch (ha)	Ghi chú
Các vị trí được xem xét đầu tư ở giai đoạn 2				
1	Phường Kỳ Lừa	Khối 9	19,84	Xem xét tiếp tục mở rộng các vị trí đã được đầu tư trong giai đoạn 2
2	Xã Công Sơn	Thôn Bản Luận	5,60	
3	Xã Lộc Bình	Thôn Bản Gia	12,00	
4	Xã Đình Lập	Thôn Tà Hón	5,00	
5	Xã Chi Lăng	Thôn Làng Thành	15,00	
6	Xã Cai Kinh	Thôn Bãi Danh	27,7	
7	Xã Khánh Khê	Thôn Bình Trung	15,00	
8	Xã Bình Gia	Thôn Liên Hợp	5,20	
9	Xã Bắc Sơn	Thôn Hữu Vĩnh	2,00	
10	Xã Na Sầm	Thôn Lũng Vài	8,34	
11	Xã Thất Khê	Thôn Khảo Bàn	5,18	
Các vị trí nghiên cứu thu hút đầu tư mở mới trong giai đoạn 3				
12	Yên Phúc	Thôn Bình Đăng	5,00	Nghiên cứu

13	Hữu Lũng	Thôn Ngọc Thành	4,50	lựa chọn các vị trí mở mới trên cơ sở nhu cầu xử lý CTRXD trong giai đoạn tới
14	Chiến Thắng	Thôn Hợp Tiến	7,00	
15	Thống Nhất	Thôn Hiệp Hạ	40,00	
16	Na Dương	Thôn Hua Cầu	7,00	
17	Lợi Bác	Thôn Thống Nhất	10,00	
18	Thụy Hùng	Thôn Bản Tả	10,00	
19	Văn Quan	Thôn Tu Đồn	8,74	
20	Tân Thành	Thôn Đồng Cẩy	17,00	
21	Tuấn Sơn	Thôn Đất Đỏ	10,00	
22	Vân Nham	Thôn Đồng Khu	5,00	
23	Tân Tri	Thôn Nà Cuối	5,20	
24	Thiện Hòa	Thôn Thâm Khôn	4,00	
25	Hồng Phong	Thôn Văn Mịch	5,00	
26	Tân Tiến	Thôn Kim Đồng	13,30	
27	Kiên Mộc	Thôn Nà Loòng	5,00	

(Chi tiết các vị trí nghiên cứu đầu tư xây dựng trong giai đoạn 3 tại Phụ lục IV)

IV. KINH PHÍ, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Tại mỗi bãi xử lý CTRXD dự kiến đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tối thiểu gồm: Cổng, đường nội bộ khu vực đổ thải[7]; hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt; trạm cân và 01 nhà phục vụ công tác quản lý (diện tích khoảng 20m^2).

1. Giai đoạn 1: Từ năm 2026-2028

- Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến khoảng **19 tỷ đồng**;

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Giai đoạn 2: Từ năm 2028-2030

- Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến đến hết giai đoạn 2 là **63,17 tỷ đồng**; trong đó phần kinh phí dự kiến bổ sung sau giai đoạn 1 là **44,14 tỷ đồng.**

[7] Ước tính khoảng 10% diện tích bãi xử lý CTRXD.

- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Nhu cầu nguồn vốn trong giai đoạn 2026-2030:

Năm	**Nhu cầu bố trí vốn** *(tỷ đồng)*
2026	10
2027	10
2028	10
2029	20
2030	18,06

3. Giai đoạn 3: Sau năm 2030

Căn cứ số liệu thống kê về khối lượng CTRXD phát sinh trong quá trình vận hành các bãi xử lý CTRXD giai đoạn 2026-2030 và dự báo khối lượng CTRXD phát sinh đến năm 2050, tiếp tục khảo sát và đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn sau năm 2030.

Phần thứ năm
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong tổ chức triển khai Đề án; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quy hoạch, đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn nhằm bảo đảm việc đầu tư xây dựng các bãi xử lý CTRXD được triển khai đúng quy định, đúng tiến độ và đạt hiệu quả.

- Tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; khuyến khích và huy động các nguồn lực xã hội hóa tham gia đầu tư xây dựng các công trình xử lý CTRXD, từng bước giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án bằng nhiều hình thức phù hợp đến các tầng lớp nhân dân; chú trọng tuyên truyền thông qua các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, loa truyền thanh, các cuộc họp thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng trong quản lý CTRXD.

- Xây dựng và triển khai các chương trình truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức tại trường học, khu dân cư, cơ quan nhà nước, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ về giảm thiểu phát sinh, phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTRXD; từng bước hình thành ý thức, thói quen đúng trong hoạt động xây dựng và đổ thải.

3. Giải pháp về nguồn vốn

- Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026–2030 tỉnh Lạng Sơn, danh mục đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đã được xác định thuộc Nhóm công trình ưu tiên số 1, dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026–2030, với tổng nguồn vốn dự kiến bố trí khoảng 210 tỷ đồng.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, bên cạnh việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối của tỉnh, tiếp tục tăng cường thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư xây dựng các bãi xử lý CTRXD bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; khuyến khích các hình thức xã hội hóa phù hợp nhằm đa dạng hóa nguồn lực, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Phần thứ sáu
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

1.1. Sở Xây dựng

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình tổ chức triển khai Đề án đầu tư xây dựng các bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh; thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong năm 2026.

- Chủ trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định về việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh trong năm 2026; phối hợp với Sở Tài chính nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế từ CTRXD trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thẩm định dự án, thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với các bãi xử lý CTRXD theo phân cấp, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

- Phối hợp với Sở Tài chính trong kêu gọi đầu tư đối với các dự án tái chế, tái sử dụng, khu xử lý CTRXD theo phương thức xã hội hóa.

- Tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Đề án; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng quý (trước ngày 15 tháng cuối cùng của quý), báo cáo năm (trước ngày 15 tháng 12 hằng năm) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

1.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì tham mưu thực hiện công tác thẩm định, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường các dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD thuộc đối tượng theo quy định.

- Chủ trì lập, thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất để phát triển các bãi xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

- Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn thủ tục liên quan đến đất đai, lâm nghiệp và môi trường; tham mưu tháo gỡ vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng theo đề nghị của UBND cấp xã (nếu có).

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD theo thẩm quyền quy định.

1.3. Sở Tài chính

- Chủ trì tham mưu phân bổ, cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm thực hiện các dự án xây dựng bãi xử lý CTRXD từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và văn bản quy định hiện hành.

- Chủ trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình HĐND tỉnh ban hành theo thẩm quyền các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng các bãi xử lý CTRXD bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế từ CTRXD trong công tác đấu thầu và đầu tư xây dựng, đảm bảo đồng bộ với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh trong năm 2026.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh kêu gọi, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án xử lý CTRXD bằng nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục đầu tư khi tham gia đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh dịch vụ tiếp nhận, trung chuyển, tái chế, xử lý CTRXD.

- Phối hợp theo dõi, quản lý giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD đối với các cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTRXD được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do các chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTRXD lập và phê duyệt theo quy định.

1.4. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Đề xuất, định hướng, khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ thu gom, phân loại, tái chế và xử lý CTRXD hiện đại phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Có ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh về xử lý, tái chế CTRXD theo thẩm quyền quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ.

1.5. Các Sở, ban, ngành

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp thực hiện việc hướng dẫn, tập huấn triển khai thực hiện Đề án và kiểm tra, giám sát công tác nghiệm thu, thanh, quyết toán và các công tác khác có liên quan theo quy định.

2. UBND cấp xã

- Chủ trì, phối hợp trong công tác lập, quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đối với các vị trí đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD trên địa bàn; xác định chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ vào mục đích đất công trình xử lý chất thải làm căn cứ thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát sinh CTRXD của địa phương. Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với các khu đất xây dựng bãi xử lý CTRXD theo quy hoạch được phê duyệt.

- Xây dựng danh mục dự án xử lý chất thải vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm của xã đối với dự án sử dụng ngân sách xã, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm của tỉnh đối với dự án sử dụng ngân sách cấp tỉnh quản lý. Thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư, tổ chức khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng các bãi xử lý CTRXD thuộc phạm vi Đề án; trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Tổ chức, phối hợp thực hiện quản lý và vận hành các bãi xử lý CTRXD trên địa bàn, cụ thể như sau:

+ Đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành các bãi xử lý CTRXD trên địa bàn trên cơ sở nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật.

+ Đối với các dự án thực hiện từ nguồn thu hút đầu tư: Phối hợp với nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD trên địa bàn do mình quản lý; sau khi dự án hoàn thành nhà đầu tư tự tổ chức quản lý bãi xử lý CTRXD.

- Tiếp nhận đăng ký môi trường, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư xây dựng bãi xử lý CTRXD trên địa bàn thuộc thẩm quyền theo quy định;

- Báo cáo định kỳ hàng quý (trước ngày 10 tháng cuối cùng của quý), năm (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) và đột xuất (nếu có) về tiến độ thực hiện Đề án trên địa bàn, gửi Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo chung.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến tới các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trên địa bàn về việc thực hiện các quy định về thu gom, vận chuyển CTRXD.

3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý chất thải rắn xây dựng

3.1. Trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn xây dựng ngay tại nơi phát sinh theo quy định của pháp luật; ưu tiên tái sử dụng, tái chế các thành phần chất thải có khả năng tái sử dụng hoặc tái chế nhằm giảm khối lượng phải xử lý.

- Thu gom, lưu giữ chất thải rắn xây dựng bảo đảm không gây phát tán bụi, rơi vãi, ô nhiễm môi trường; không được đổ, thải chất thải rắn xây dựng không đúng nơi quy định.

- Ký hợp đồng hoặc chuyển giao chất thải rắn xây dựng cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về việc quản lý chất thải rắn xây dựng đến khi được chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

- Chấp hành việc kiểm tra, thanh tra của cơ quan có thẩm quyền; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc quản lý chất thải rắn xây dựng khi có yêu cầu.

3.2. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng

- Thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng theo đúng nội dung hợp đồng và quy định của pháp luật; sử dụng phương tiện, thiết bị bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

- Thực hiện các biện pháp che chắn, chống rơi vãi, phát tán bụi trong quá trình vận chuyển; chỉ vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến các cơ sở hoặc bãi xử lý được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động.

- Không tiếp nhận, vận chuyển và đổ thải chất thải rắn xây dựng tại các địa điểm không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm trong quá trình thu gom, vận chuyển.

- Lưu giữ, cung cấp thông tin, hồ sơ liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3.3. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn xây dựng

- Tiếp nhận, quản lý và xử lý chất thải rắn xây dựng theo đúng công nghệ, quy trình và nội dung giấy phép, hồ sơ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận.

- Ưu tiên áp dụng các giải pháp phân loại, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn xây dựng nhằm giảm tỷ lệ chôn lấp, tiết kiệm tài nguyên và thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường, quản lý nước mưa, nước rỉ, bụi, tiếng ồn và các tác động môi trường khác trong quá trình vận hành cơ sở xử lý.

- Thực hiện chế độ quản lý, thống kê, lưu giữ hồ sơ và báo cáo định kỳ về khối lượng chất thải rắn xây dựng tiếp nhận, tái chế, tái sử dụng và xử lý theo quy định; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả./.